

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 28534
	Giờ..... Ngày 1 tháng 9 năm 11

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC KINH TẾ VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU SAVIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO GIAI ĐOẠN
TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2011 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2011**



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 30

369
G T Y
ỆM HỮ
TOÁN
TÀI
ĐC T
Y -

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2011)
Bà Lê Minh Trang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2011)
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên
Ông Louis T. Nguyễn	Thành viên
Ông Lê Toàn	Thành viên
Ông Võ Hữu Thiện	Thành viên
Ông Trần Văn Trí	Thành viên (từ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Trí	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2011)
Ông Bùi Ngọc Quới	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2011)
Ông Vũ Duy Tiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Ngọc Quới
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 08 năm 2011

CHỖ HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2461/2011/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (gọi tắt là "Công ty") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được lập ngày 20 tháng 8 năm 2011 từ trang 5 đến trang 30 kèm theo. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 được kiểm toán và soát xét bởi các kiểm toán viên khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và tài sản cố định dựa trên báo cáo kiểm toán phát hành ngày 08 tháng 04 năm 2011 và báo cáo soát xét phát hành ngày 27 tháng 08 năm 2010. Đồng thời các báo cáo này còn trình bày ý kiến rằng số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh Champa-Savi (Công ty liên doanh tại Lào) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 dùng để hợp nhất chưa được soát xét và kiểm toán tương ứng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được đề cập dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Kiểm toán viên năm trước đã đưa ra ý kiến ngoại trừ tính chính xác và hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định trong Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 do không thể thực hiện kiểm kê thực tế tại ngày này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất của các vấn đề được nêu tại phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0748/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2011

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		441.602.591.225	452.089.937.016
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	43.251.646.243	93.849.872.514
1. Tiền	111		33.251.646.243	24.853.632.641
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	68.996.239.873
III. Các khoản phải thu	130		108.523.390.276	107.388.186.274
1. Phải thu khách hàng	131		99.918.707.369	91.299.979.060
2. Trả trước cho người bán	132		25.401.271.938	23.545.275.591
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	6.926.244.331	14.637.542.407
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.3	(23.722.833.362)	(22.094.610.784)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	255.119.593.172	217.774.029.607
1. Hàng tồn kho	141		258.038.400.229	220.454.836.664
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.918.807.057)	(2.680.807.057)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.707.961.534	33.077.848.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		345.362.719	56.661.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.867.307.639	11.369.630.661
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	6.392.650.985	4.290.111.080
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	18.102.640.191	17.361.445.880
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.918.581.880	84.451.353.250
II. Tài sản cố định	220		59.647.004.416	60.186.389.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	54.387.442.069	54.904.656.192
- Nguyên giá	222		123.546.425.308	119.122.199.737
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.158.983.239)	(64.217.543.545)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.259.562.347	5.015.033.731
- Nguyên giá	228		6.458.633.449	6.077.633.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.199.071.102)	(1.062.599.718)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	266.700.000
III. Bất động sản đầu tư	240	V.9	2.048.406.399	2.109.482.529
- Nguyên giá	241		3.515.187.507	3.515.187.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.466.781.108)	(1.405.704.978)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.316.255.483	10.377.081.553
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	10.316.255.483	10.377.081.553
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.906.915.582	11.778.399.245
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	11.906.915.582	11.778.399.245
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		525.521.173.105	536.541.290.266

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		238.786.184.896	242.999.160.483
I. Nợ ngắn hạn	310		198.011.245.020	215.811.204.224
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	98.100.824.913	111.710.241.535
2. Phải trả người bán	312		55.752.265.455	54.709.229.729
3. Người mua trả tiền trước	313		15.750.601.547	10.021.298.499
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	58.653.978	839.523.267
5. Phải trả người lao động	315		4.159.210.495	5.904.068.181
6. Chi phí phải trả	316	V.14	12.178.395.249	23.838.455.003
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	11.553.824.275	9.060.057.562
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		457.469.108	(271.669.552)
II. Nợ dài hạn	330		40.774.939.876	27.187.956.259
3. Phải trả dài hạn khác	333		807.397.500	1.039.396.500
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	39.251.017.547	26.145.165.059
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		716.524.829	3.394.700
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		285.114.234.946	291.223.396.390
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	285.114.234.946	291.223.396.390
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99.634.500.000	99.634.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		144.032.786.110	144.032.786.110
4. Cổ phiếu quỹ	414		(5.459.004.954)	(5.459.004.954)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(99.225.220)	672.942.053
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.948.545.926	9.490.529.120
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.982.416.475	8.113.834.327
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(363.682.310)	7.299.910.815
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		27.437.898.919	27.437.898.919
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.18	1.620.753.263	2.318.733.393
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		525.521.173.105	536.541.290.266



Bùi Ngọc Quới
Giám đốc
Ngày 20 tháng 08 năm 2011

Hoàng Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	191.018.758.008	113.717.531.572
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	(17.272.795.306)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		191.018.758.008	96.444.736.266
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	170.957.817.709	75.040.438.188
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.060.940.299	21.404.298.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.479.929.866	6.490.939.828
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8.425.240.378	3.504.444.573
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.320.648.621</i>	<i>1.902.757.849</i>
8. Chi phí bán hàng	24		3.880.331.115	3.000.960.652
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.403.580.561	21.200.110.221
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.168.281.889)	189.722.460
11. Thu nhập khác	31	VI.5	4.523.362.943	8.862.265.879
12. Chi phí khác	32	VI.6	33.006.352	957.737.936
13. Lợi nhuận khác	40		4.490.356.591	7.904.527.943
14. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		(60.826.070)	122.233.767
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.261.248.632	8.216.484.170
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	335.307.933	1.987.220.939
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		925.940.699	6.229.263.231
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(697.980.130)	(24.317.694)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		1.623.920.829	6.253.580.925
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	63	VI.8	168	658



Bùi Ngọc Quới
Giám đốc
Ngày 20 tháng 08 năm 2011

Hoàng Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.261.248.632	8.216.484.170
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	5.138.987.208	3.742.122.221
- Các khoản dự phòng	03	1.866.222.578	3.401.449.448
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(1.588.095.863)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.874.364.848)	(12.885.135.440)
- Chi phí lãi vay	06	5.320.648.621	1.902.757.849
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.712.742.191	2.789.582.385
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.317.976.796)	(32.063.894.313)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(37.583.563.565)	54.949.404.116
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(6.002.518.840)	(33.113.934.201)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(417.218.056)	(375.541.268)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.255.595.519)	(3.871.634.387)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.077.018.262)	(1.500.265.458)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.739.434.398	118.237.487.415
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.326.731.368)	(123.359.967.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(46.528.445.817)	(18.308.763.283)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.538.525.571)	(1.284.769.039)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.466.285.656)
8. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	5.788.524.251	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.249.998.680	(3.751.054.695)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	123.137.229.887	77.991.640.054
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(123.640.794.021)	(125.169.839.819)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.816.215.000)	(499.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.319.779.134)	(47.678.009.765)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(50.598.226.271)	(69.737.827.743)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	93.849.872.514	127.167.769.453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.621.194.624
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43.251.646.243	59.051.136.334

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

Thông tin bổ sung cho Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ:

Trong kỳ, Công ty có nhận khoản tiền góp vốn xây dựng căn hộ Ngọc Lan từ Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Vina với giá trị 31.640.975.730 đồng. Dòng tiền này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả khác cho bên góp vốn liên doanh, do đó, một khoản tiền tương ứng được tăng lên ở khoản mục nợ phải trả (chỉ tiêu 11) trên Báo cáo Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.




Bùi Ngọc Quới
Giám đốc
Ngày 20 tháng 08 năm 2011


Hoàng Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 49/2001/QĐ-TTg ngày 10 tháng 04 năm 2001 về việc chuyển đổi Công ty Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex thành Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000432 ngày 28 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần các lần sửa đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 05 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 99.634.500.000 đồng, tổng số cổ phần là 9.963.450 đơn vị với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị liên quan:

Chi nhánh:

Tên chi nhánh

- Xí nghiệp trang trí nội thất (Savidecor).
- Trung tâm xây dựng và kinh doanh địa ốc (Savihome).
- Nhà máy tinh chế đồ gỗ xuất khẩu (Satimex)
- CN Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex - Xí nghiệp sản xuất bao bì (Savipack)
- CN Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex - Trung tâm dịch vụ quản lý cao ốc Savimex

Địa chỉ

- 234 Trường Sơn, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp. HCM
- 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
- Nguyễn Ảnh Thủ, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. HCM
- 162 Đường HT 17, Khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Tp. HCM
- 167 Nguyễn Phúc Nguyên, Phường 10, Quận 3, Tp. HCM

Công ty con:

- **Công ty Cổ phần Đồ gỗ Savi**
 - Địa chỉ: 234 Trường Sơn, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0305029275, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
 - Hoạt động chính: chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm gỗ, mua bán nguyên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị chế biến và sản phẩm gỗ.
 - Vốn điều lệ: 8.094.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 68,4%.
 - Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết: 68,4%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty liên kết: 1 Công ty

- Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất: 1 công ty

Danh sách công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Công ty Liên doanh Champa-Savi
 - Địa chỉ: Cây số 12 Quốc lộ 13, Bản Huồi Sết, Huyện Bachieng, Tỉnh Chanpasak, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
 - Hoạt động chính: sản xuất và tinh chế gỗ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.
 - Vốn đã góp của các bên tham gia liên doanh: 15.350.681.234,96 kíp.
 - Vốn đã góp của Công ty: 12.662.040.741 đồng
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 49,00%.
 - Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết: 49,00%.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty có 1 công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính riêng của công ty con nêu trên.

Hợp nhất kinh doanh

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/TIN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: giá xuất kho tính theo phương pháp bình quân gia quyền;

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

036
NG
HIỆM
TOÁN
TÀI
KIỂM
KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	2 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 5
Tài sản cố định khác	

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và tài sản cố định vô hình khác là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 8 đến 10 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và các khoản chi phí trả trước dài hạn:

- Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ, chi phí thiết bị văn phòng không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính;
- Chi phí quảng cáo, môi giới cho các dự án bất động sản được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 15 tháng;
- Chi phí thuê đất cho dự án di dời nhà máy sản xuất chờ phân bổ theo thời gian còn lại của dự án khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Vốn góp liên doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản mà không thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận như một khoản phải trả cho bên liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2011
CÔNG TY
HỢP TÁC
KINH TẾ
VÀ XUẤT
NHẬP KHẨU
SAVIMEX

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Bảng Cân đối kế toán. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại này phù hợp với quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009, trong đó quy định xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ có sự khác biệt với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/TIN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	425.307.012	729.905.202
Tiền gửi ngân hàng	32.826.339.231	24.123.727.439
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	68.996.239.873
Cộng	<u>43.251.646.243</u>	<u>93.849.872.514</u>

2. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư XD & May Thêu Tân Tiến	5.094.736.390	5.031.042.438
Công ty CP BĐS Điện Lực Sài Gòn Vina	-	4.935.914.157
Ban quản lý dự án Khu dân cư Bình Hòa	362.278.924	362.278.924
Dự án Lào	322.726.004	228.000.927
Phải thu tiền bán cổ phiếu quỹ cho nhân viên	346.787.500	640.440.000
Thuế thu nhập cá nhân	165.315.201	241.791.764
Hàng cho mượn	85.590.862	-
Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	45.666.667	322.361.412
Hội đồng quản trị	-	669.200.000
Các đối tượng khác	503.142.783	2.206.512.785
Cộng	<u>6.926.244.331</u>	<u>14.637.542.407</u>

3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	(22.094.610.784)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(1.628.222.578)
Tại ngày 30 tháng 6	<u>(23.722.833.362)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động thương mại với tỷ lệ từ 50% đến 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.683.330.363	45.484.388.266
Công cụ, dụng cụ	225.309.392	193.082.232
Sản phẩm dở dang	13.531.013.278	20.027.697.525
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, bao gồm:	168.364.567.318	138.400.173.517
- Công trình trang trí nội thất	-	44.484.588
- Sửa chữa trường Cán bộ	184.108.055	184.108.055
- Dự án khu sinh thái Tuyền Lâm - Đà Lạt	3.652.591.212	3.642.873.860
- Dự án Đào Trí - Q7	69.240.408.488	69.236.319.364
- Khu dân cư Tân Thới Hiệp - Q.12	239.242.841	419.490.935
- Khu dân cư Phú Thuận - Q.7	441.568.364	252.834.838
- Khu dân cư Bình Trị Đông - H. Bình Chánh	46.350.646	130.625.492
- Khu dân cư Phú Mỹ - Q.7	70.329.856.709	61.888.267.494
- Chung cư Nguyễn Phúc Nguyên - Q.3	1.923.779.856	1.862.950.934
- Chung cư Ngọc Lan - Q.7	22.306.661.147	738.217.957
Thành phẩm	22.690.608.585	9.778.856.911
Hàng hóa	3.785.121.726	5.822.613.114
Hàng gửi đi bán	90.041.676	79.617.208
Hàng hóa bất động sản	668.407.891	668.407.891
Cộng giá gốc hàng tồn kho	258.038.400.229	220.454.836.664
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.918.807.057)	(2.680.807.057)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	255.119.593.172	217.774.029.607

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	302.006.656	-
Thuế nhập khẩu tạm nộp	6.090.644.329	4.290.111.080
	6.392.650.985	4.290.111.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	565.594.606
Tạm ứng cho nhân viên	1.462.300.020	1.788.653.103
- Tại văn phòng Công ty	412.494.091	251.545.000
- Nhà máy Satimex	277.277.600	537.379.407
- Xí nghiệp trang trí nội thất - Savidecor	389.389.401	516.801.962
- Xí nghiệp sản xuất bao bì - Savipack	33.406.000	117.719.012
- Trung tâm XD & KD địa ốc - Savihome	151.000.000	151.000.000
- Trung tâm DV & QL cao ốc	-	1.800.000
- Công ty Cổ phần Đồ gỗ Savi	198.732.928	212.407.722
Ký quỹ ký cược	16.640.340.171	15.007.198.171
- Tiền gửi có kỳ hạn dùng làm tài sản đảm bảo	16.633.142.000	15.000.000.000
- Các khoản ký quỹ khác	7.198.171	7.198.171
Cộng	18.102.640.191	17.361.445.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	56.716.087.217	50.746.621.668	8.821.380.825	2.458.957.639	379.152.388	119.122.199.737
Tăng trong kỳ	-	4.248.913.361	65.525.000	109.787.210	-	4.424.225.571
Tại ngày 30/06/2011	56.716.087.217	54.995.535.029	8.886.905.825	2.568.744.849	379.152.388	123.546.425.308
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	26.098.942.930	30.663.105.931	5.281.903.503	1.886.451.666	287.139.515	64.217.543.545
Khấu hao trong kỳ	1.932.328.720	2.478.802.289	386.560.430	132.528.141	11.220.114	4.941.439.694
Tại ngày 30/06/2011	28.031.271.650	33.141.908.220	5.668.463.933	2.018.979.807	298.359.629	69.158.983.239
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2011	30.617.144.287	20.083.515.737	3.539.477.322	572.505.973	92.012.873	54.904.656.192
Tại ngày 30/06/2011	28.684.815.567	21.853.626.809	3.218.441.892	549.765.042	80.792.759	54.387.442.069

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 16.442.007.239 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hư hỏng chờ thanh lý và tài sản không sử dụng: 2.254.086.522 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	4.020.325.500	2.057.307.949	6.077.633.449
Tăng trong kỳ	-	381.000.000	381.000.000
Tại ngày 30/06/2011	4.020.325.500	2.438.307.949	6.458.633.449
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	223.322.729	839.276.989	1.062.599.718
Hao mòn trong kỳ	-	136.471.384	136.471.384
Tại ngày 30/06/2011	223.322.729	975.748.373	1.199.071.102
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	<u>3.797.002.771</u>	<u>1.218.030.960</u>	<u>5.015.033.731</u>
Tại ngày 30/06/2011	<u>3.797.002.771</u>	<u>1.462.559.576</u>	<u>5.259.562.347</u>

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn tại Nhà máy Satimex có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 3.797.002.771 đồng được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho khoản vay ngắn hạn như một tài sản đảm bảo, theo như thuyết minh V.12.

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01 tháng 01 và 30 tháng 6 năm 2011	<u>3.515.187.507</u>	<u>3.515.187.507</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	1.405.704.978	1.405.704.978
Khấu hao trong kỳ	61.076.130	61.076.130
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	<u>1.466.781.108</u>	<u>1.466.781.108</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	<u>2.109.482.529</u>	<u>2.109.482.529</u>
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	<u>2.048.406.399</u>	<u>2.048.406.399</u>

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện giá trị xây dựng 1.936.218.974 đồng đối với 3 tầng 3, 4 và 5 thuộc tòa cao ốc 194 Nguyễn Công Trứ hiện đang được Công ty cho thuê.

Ngoài ra, Công ty còn đang sở hữu căn nhà số 2 Phó Đức Chính, quận 1 với nguyên giá mua ban đầu là 1.578.968.533 đồng hiện đang được Công ty cho thuê. Theo thuyết minh số V.13, căn nhà này đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh như một khoản thế chấp cho các khoản nợ vay ngắn hạn.

Công ty không trình bày giá trị hợp lý của quyền sử dụng đất lâu dài nêu trên do không thể thu thập được thông tin từ thị trường một cách đáng tin cậy để áp dụng các phương pháp kỹ thuật xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 như sau:

Tên Công ty	30/06/2011		01/01/2011	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị đầu tư VND
Công ty Liên doanh Champa-Savi	49%	12.662.040.741	49%	12.662.040.741
Phần lợi nhuận của Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh		(2.345.785.258)		(2.284.959.188)
Cộng		10.316.255.483		10.377.081.553

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	97.179.649	115.649.841
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	131.916.669	83.705.413
Chi phí quảng cáo, môi giới cho dự án Ngọc Lan	356.833.476	359.082.217
Chi phí đào tạo quản lý, thiết bị văn phòng	72.693.124	21.000.000
Chi phí thuê đất tại KCN Nhị Xuân	11.248.292.664	11.198.961.774
Cộng	11.906.915.582	11.778.399.245

Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Nhị Xuân, Hóc Môn phục vụ việc xây dựng nhà máy mới và tái cấu trúc hoạt động sản xuất của Công ty. Chi phí này sẽ được phân bổ vào chi phí khi nhà máy mới đi vào hoạt động theo thời gian còn lại của thời gian thuê đất.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN TP. HCM	30.152.352.318	43.153.346.006
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam CN TP. HCM	32.163.434.615	37.578.770.074
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - SGD II	35.785.037.980	30.978.125.455
Cộng	98.100.824.913	111.710.241.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

a. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng	Thời hạn tối đa	Lãi suất	Hạn mức tín dụng VND	Số dư USD	Số dư VND Hay quy đổi ra VND
00310/2010/0001489 ngày 03/12/2010	8 tháng	Theo thời điểm	100.000.000.000	339.062	6.990.774.131
00310/2010/0001489 ngày 03/12/2010	8 tháng	Theo thời điểm	100.000.000.000		23.161.578.187

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 382/70 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 021008/93890 ngày 27/08/2008).
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 02 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2008/93890 ngày 27/08/2008).
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ của bên Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu - Savimex tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác.
- Các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu - Savimex và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

b. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng	Thời hạn tối đa	Lãi suất	Hạn mức tín dụng VND	Số dư USD	Số dư VND Hay quy đổi ra VND
0401/KH/09NH ngày 29/10/2009	6 tháng	Theo thời điểm	80.000.000.000	322.828	6.656.072.652
0401/KH/09NH ngày 29/10/2009	6 tháng	Theo thời điểm	80.000.000.000		25.507.361.963

Tài sản đảm bảo:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 553359 Do UBND Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/07/2000 tại Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 33.602m².

c. Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II

Hợp đồng	Thời hạn tối đa	Lãi suất	Hạn mức tín dụng VND	Số dư USD	Số dư VND Hay quy đổi ra VND
93/2010/HĐXKHM - NHPT	145 ngày	Theo thời điểm	70.000.000.000		35.785.037.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo:

- Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay tín dụng xuất khẩu phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 93/2010/TDXKHM - NHPT ngày 13/09/2010.
- Quyền đòi nợ đối với các khoản phải thu của người bán (khi ứng trước), phải thu của người mua.
- Hàng tồn kho nguyên liệu; hàng đang trong quá trình chế biến; hàng tồn kho thành phẩm.
- Tiền mặt tại quỹ, số dư tài khoản tiền gửi VND số: 310.10.00.00043.8 với giá trị 15 tỷ đồng và số dư tài khoản tiền gửi USD số: 310.10.37.000174.1 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	100.020.793
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	439.703.673
Thuế thu nhập cá nhân	58.653.978	299.798.801
Cộng	58.653.978	839.523.267

14. Chi phí phải trả

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sang nhượng quyền sử dụng đất của dự án Bình Trị Đông	9.000.000.000	9.000.000.000
Trích trước chi phí trang trí dự án Ngọc Lan	2.746.735.449	14.666.379.308
Trích trước chi phí lãi vay	237.128.797	172.075.695
Chi phí phải trả khác	194.531.003	-
Cộng	12.178.395.249	23.838.455.003

Chi phí sang nhượng quyền sử dụng đất của dự án Bình Trị Đông là chi phí trích trước khoản 10% giá trị quyền sử dụng đất mua từ Công ty Đầu tư và Xây dựng Thanh Niên Xung Phong (CINCO). Khoản chi phí trích trước này được vốn hóa vào giá trị công trình Bình Trị Đông để tính giá thành sản phẩm trong kỳ.

15. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	53.796.595	10.189.355
Bảo hiểm thất nghiệp	6.673.590	-
Kinh phí công đoàn	106.512.749	159.338.458
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.236.976.893
Dự án Lào	-	3.849.224.480
Công ty CP BĐS Điện lực Vina	8.326.772.671	-
Phải trả, phải nộp khác	3.060.068.670	3.804.328.376
Cộng	11.553.824.275	9.060.057.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/TN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
<i>Vay dài hạn</i>	39.251.017.547	26.145.165.059
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN TP. HCM	39.251.017.547	26.145.165.059
Cộng	39.251.017.547	26.145.165.059

Lịch thanh toán các khoản vay dài hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Trong năm thứ nhất	-	-
Trong năm thứ hai	13.083.672.516	13.083.672.516
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.167.345.031	13.061.492.543
Cộng	39.251.017.547	26.145.165.059

Thông tin về khoản vay dài hạn

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng	Thời hạn tối đa	Lãi suất	Hạn mức tín dụng VND	Số dư VND
00310/2009/0001290 ngày 15/12/2009	48 tháng	lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng + 3,4%/năm	100.000.000.000	39.251.017.547

Tài sản đảm bảo:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản, công trình xây dựng gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ dự án Công trình Ngọc Lan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	99.634.500.000	143.580.598.750	(8.175.297.594)	(1.621.194.624)	7.461.267.181	5.289.767.696	27.437.898.919	4.032.041.981	277.639.583.309
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	9.720.112.041	9.720.112.041
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	2.294.136.677	-	-	-	-	2.294.136.677
- Bán cổ phiếu quỹ	-	452.187.360	2.716.292.640	-	-	-	-	-	3.168.480.000
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.029.261.939	3.122.014.671	-	(5.151.276.610)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(815.443.516)	(815.443.516)
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	14.876.919	14.876.919
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(297.948.040)	-	(500.400.000)	(798.348.040)
Tại ngày 01/01/2011	99.634.500.000	144.032.786.110	(5.459.004.954)	672.942.053	9.490.529.120	8.113.834.327	27.437.898.919	7.299.910.815	291.223.396.390
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	1.623.920.829	1.623.920.829
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	(772.167.273)	-	-	-	-	(772.167.273)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.458.016.806	868.582.148	-	(2.326.598.954)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
- Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	(4.830.115.000)	(4.830.115.000)
- Chi HĐQT, thù lao BKS	-	-	-	-	-	-	-	(630.800.000)	(630.800.000)
Tại ngày 30/06/2011	99.634.500.000	144.032.786.110	(5.459.004.954)	(99.225.220)	10.948.545.926	8.982.416.475	27.437.898.919	(363.682.310)	285.114.234.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước - đại diện bởi Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	13.500.000.000	13.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	86.134.500.000	86.134.500.000
Cộng	99.634.500.000	99.634.500.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	9.963.450	9.963.450
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	9.963.450	9.963.450
+ Cổ phiếu thường	9.963.450	9.963.450
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	303.220	303.220
+ Cổ phiếu thường	303.220	303.220
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.660.230	9.660.230
+ Cổ phiếu thường	9.660.230	9.660.230
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần		

d. Cổ tức

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi trả cổ tức	4.830.115.000	-

18. Lợi ích cổ đông thiểu số

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của cổ đông thiểu số	2.558.000.000	2.558.000.000
Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kinh doanh	(937.246.737)	(239.266.607)
	1.620.753.263	2.318.733.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN-TN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.018.758.008	113.717.531.572
- Doanh thu bán hàng, thành phẩm	166.044.692.301	92.163.308.026
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.007.044.036	1.418.424.960
- Doanh thu bán bất động sản	12.168.781.671	17.991.645.086
- Doanh thu bất động sản đầu tư	1.798.240.000	2.144.153.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	17.272.795.306
- Hàng bán trả lại của hoạt động bất động sản	-	16.498.649.694
- Hàng bán trả lại của hoạt động trang trí nội thất	-	743.975.068
- Giảm giá hàng bán	-	30.170.544
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.018.758.008	96.444.736.266

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	149.303.721.922	72.511.526.237
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.642.966.905	904.477.558
Giá vốn bán bất động sản	10.950.052.751	1.529.460.663
Giá vốn bất động sản đầu tư	61.076.131	94.973.730
Cộng	170.957.817.709	75.040.438.188

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.935.190.918	2.931.427.727
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.486.547.598	3.189.782.587
Lãi do thanh lý Công ty con	-	73.242.099
Chiết khấu thanh toán được hưởng	58.191.350	296.487.415
Cộng	11.479.929.866	6.490.939.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí lãi vay	5.320.648.621	1.902.757.849
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.104.591.757	1.601.686.724
Cộng	8.425.240.378	3.504.444.573

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn liên doanh	3.849.224.480	-
Thu hồi công nợ đã xóa sổ	643.280.000	-
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	30.000.000	-
Lệ phí chuyển tên hợp đồng	-	250.771.233
Tiền sử dụng đất Cư xá SAV 2 được khấu trừ	-	543.879.103
Chi phí đất dự án Quận 7 không phải nộp	-	3.465.600.000
Thu hồi thuế GTGT đất chung cư Ngọc Lan	-	4.090.909.091
Thu nhập khác	858.463	511.106.452
Cộng	4.523.362.943	8.862.265.879

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí sản xuất bù hàng cho Homedesk Kurogane	33.006.352	-
Chi phí đường và chợ Hiệp Thành	-	954.422.075
Chi phí khác	-	3.315.861
Cộng	33.006.352	957.737.936

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	335.307.933	1.987.220.939
Cộng	335.307.933	1.987.220.939

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là số thuế tạm tính trên kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011. Thuế thu nhập hiện hành bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động kinh doanh thông thường và thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh bất động sản được tính theo tỷ lệ 25% trên số lợi nhuận tính thuế của hoạt động này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của Công ty mẹ	1.623.920.829	6.253.580.925
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.660.230	9.509.350
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	168	658

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Trong năm thứ nhất	1.723.859.896	1.723.859.896
Trong năm thứ hai	1.680.032.949	1.680.032.949
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.281.862.331	6.281.862.331
Cộng	9.685.755.176	9.685.755.176

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê và lãi trả chậm 3%/năm đối với 26.101 m² tại cụm Công nghiệp Nhì Xuân với giá thuê đất tạm tính 13.000 đồng/m²/năm nhân với hệ số vị trí đất tại từng lô. Hợp đồng thuê đất được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 12 tháng 06 năm 2007.

2. Các cam kết không hủy ngang

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số: 056/HĐ-EVNLSG-ĐT ngày 27 tháng 11 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Điện Lực Sài Gòn Vina và Công ty Cổ Phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex về việc hợp tác đầu tư dự án chung cư Ngọc Lan tại phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cam kết góp 50% vốn chủ đầu tư tham gia vào dự án. Hai bên sẽ tiến hành chia sản phẩm từ dự án bao gồm các căn hộ và diện tích sản kinh doanh thương mại theo tỷ lệ góp vốn mỗi bên 50%.

3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ trước được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày của Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.



Bùi Ngọc Quới
Giám đốc

Ngày 20 tháng 08 năm 2011

Hoàng Thị Kim Phượng
Kế toán trưởng